

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16-5-2023
V/v: ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUÝÊN H, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trần Đông
2. Ông Dương Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Yến, là Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Kim Mau - kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duyên H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/5/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Kim Thị Đ, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp Bào M, xã Đôn Ch, huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh. Đề nghị xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Ông Trầm K, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp Bà Giam A, xã Đôn X, huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 11/3/2023, lời khai quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Kim Thị Đ trình bày yêu cầu:

Về hôn nhân: năm 2010 chị và anh K được cha mẹ hai bên giới thiệu quen biết nhau và sau khoảng một tháng hai người tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đôn Ch, huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh. Sau đám cưới chị sinh sống làm dâu nhà anh K sống chung cha mẹ chồng, thời gian sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh K thường ghen vô cớ, nhiều lần uống rượu say sấn kiểm chuyện và đánh chị, cũng được cha mẹ và anh chị em bên chồng ngăn cản nhưng anh K không sửa đổi nên nhiều lần chị trở về nhà cha mẹ ruột. Sau đó, được cha mẹ chồng và anh K kêu về sống chung tiếp. Đến tết nguyên đán năm 2023, anh K đi ăn tết nhậu say, sấn về nhà tiếp tục kiểm chuyện và đánh chị có sự chứng kiến của rất nhiều người bên gia đình anh K, từ ngày đó chị

đã về ở nhà cha mẹ ruột sinh sống và ở đến nay, chị và anh K không còn khả năng hàn gắn trở về sống chung tiếp được nên yêu cầu được ly hôn với anh K và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Về con chung, quyền và nghĩa vụ tài sản chung: Do thời gian dài sống chung cha mẹ chồng, không có làm ăn riêng nên không có tạo lập được tài sản chung, nợ chung cũng không có và chị với anh K cũng không có con chung. Vì vậy, chị không có yêu cầu hoặc tranh chấp gì về con chung, quyền và nghĩa vụ tài sản chung.

Bị đơn anh Trầm K trình bày tại phiên tòa ngày 16/5/2023 cho rằng :

Về hôn nhân, anh cũng thống nhất đồng ý ly hôn theo chị Đ yêu cầu, anh khai xác nhận về hôn nhân kết hôn với chị Đ và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đôn Ch, huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh năm 2010 và có xảy ra một số mâu thuẫn với nhau do không hợp nguyên nhân mà nguyên nhân cũng xuất phát từ cả hai phía, không phải do một mình anh và xác nhận không còn sống chung với chị Đ từ tết Nguyên đán năm 2023 đến nay.

Về con chung, quyền và nghĩa vụ tài sản chung, anh cũng khai xác nhận không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung với chị Đ và anh cũng không có yêu cầu hoặc tranh chấp gì khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành việc có mặt theo thông báo, giấy triệu tập và đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn thì không chấp hành mặt theo thông báo hòa giải và có vắng mặt tham gia phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện, chị Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân với anh K và có đăng ký kết hôn theo quy định, thời gian đầu hạnh phúc, nhưng về sau xảy ra mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Đ yêu cầu ly hôn; con chung; tài sản và nợ chung không có.

Qua đánh giá tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: nhận thấy, năm 2010 anh K và chị Đ kết hôn với nhau là có thật, nhưng do mâu thuẫn và mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Đ yêu cầu ly hôn và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Đối với anh K tại phiên tòa cũng đồng ý ly hôn theo chị Đ yêu cầu và cho rằng không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 9, 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân, cho chị Đ được ly hôn với anh K; Về con chung; Tài sản chung; Nợ chung không có nên không giải quyết.

Án phí đề nghị buộc nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sự vắng mặt tại phiên tòa của **chị Kim Thị Đ** là đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tại đơn khởi kiện, các lời khai của chị Đ cho rằng hai người không có tình cảm thương yêu nhau, sau kết hôn anh K thường hay ghen và đánh chị, không hợp nhau nên không còn sống chung. Đối với anh K cũng khai xác nhận tại phiên tòa về vấn đề mâu thuẫn và đồng ý ly hôn, không mong muốn hàn gắn đoàn tụ. Nhận thấy, hôn nhân của chị Đ với anh K là hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, thể hiện tại trích lục kết hôn số: 103/TLKH-BS ngày 10/3/2023 của Ủy ban nhân dân xã Đôn Ch, huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh. Sau khi kết hôn cùng sinh sống chung nhà cha mẹ anh K, đến khoảng tháng 01/2023 (tết Nguyên đán năm 2023) thì hai người không còn sống chung với nhau, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mỗi người có cuộc sống, công việc riêng, hai bên không mong muốn hàn gắn, đoàn tụ. Do đó, có cơ sở xác định hôn nhân của hai người xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn trở về tiếp tục sống chung. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ.

[3] Quyền, nghĩa vụ đối với con chung, về quyền, nghĩa vụ đối với tài sản chung, chị Đ và anh K cùng khai xác nhận không có, đồng thời không có yêu cầu hoặc tranh chấp gì khác nên không giải quyết.

[4] Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 9, 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kim Thị Đ.

1. Về hôn nhân: Cho chị Kim Thị Đ ly hôn với bà anh Trầm K.

2. Về quyền, nghĩa vụ đối với con chung: Không có.

3. Về quyền tài sản chung: Không có.

4. Về nghĩa vụ tài sản chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Kim Thị Đ chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng và được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số: 0015895 ngày 16/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh nên không phải nộp tiếp.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hợp lệ hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND huyện Duyên H;
- Chi cục THADS huyện Duyên H;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Kim Thị Hồng Nga